

CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN THẠCH BÀN LAKESIDE

-----0000-----

## BÁO CÁO

### ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ: “KHU NHÀ Ở THẠCH BÀN LAKESIDE – GIAI ĐOẠN 1”

Địa điểm: Số 21 Thạch Bàn, phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội

Hà Nội, tháng năm 2023

CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN THẠCH BÀN LAKESIDE

-----00000-----

## BÁO CÁO

# ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ: “KHU NHÀ Ở THẠCH BÀN LAKESIDE – GIAI ĐOẠN 1”

Địa điểm: Số 21 Thạch Bàn, phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN  
THẠCH BÀN LAKESIDE



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Vũ Đình Chiến*

Hà Nội, tháng      năm 2023

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC CÁC BẢNG.....</b>	<b>25</b>
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....</b>	<b>27</b>
<b>CHƯƠNG I.....</b>	<b>28</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>28</b>
1.1.Tên chủ dự án:.....	28
1.2.Tên dự án đầu tư:.....	28
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư: .....	32
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: .....	32
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	34
1.3.3. Sản phẩm của dự án: .....	34
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:.....	34
1.4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng: .....	35
1.4.3.Nguồn cung cấp điện, nước: .....	35
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	36
<b>CHƯƠNG II.....</b>	<b>38</b>
<b>SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,.....</b>	<b>38</b>
<b>KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>38</b>
2.1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có): .....	38
2.1.1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. ....	38
2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	38
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	38
<b>CHƯƠNG III.....</b>	<b>40</b>
<b>KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>40</b>
3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	40
3.1.1.Thu gom, thoát nước mưa:.....	40
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	41
3.1.3. Xử lý nước thải:.....	43
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	48
3.2.1.Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác: .....	48
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: .....	49
Cơ sở là khu dân cư chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.....	49
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	49
3.3.2.Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	50

3.4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại.....	51
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	52
3.6.3.4 Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: .....	56
3.6.3.5. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: .....	56
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	56
<b>CHƯƠNG IV .....</b>	<b>57</b>
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>57</b>
4.1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải. ....	58
4.1.1.Nguồn phát sinh nước thải:.....	58
4.1.2.Lưu lượng xả nước thải tối đa: .....	58
4.1.3 Dòng nước thải:.....	58
4.2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải. ....	59
Cơ sở không phát sinh nên không đề nghị.....	59
4.3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	59
4.3.1.Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	59
4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: .....	59
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.....	59
4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: .....	60
4.6. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường .....	60
<b>CHƯƠNG V .....</b>	<b>63</b>
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>63</b>
<b>CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>65</b>
6.1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở.....	65
6.2. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: .....	65
6.1.2.Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải: .....	66
6.2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	67
6.2.1.Chương trình quan trắc định kỳ nước thải: .....	67
6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: .....	67
<b>CHƯƠNG VII.....</b>	<b>69</b>
<b>KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA .....</b>	<b>69</b>
<b>VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....</b>	<b>69</b>

<b>CHƯƠNG VIII .....</b>	<b>70</b>
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....</b>	<b>70</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

KCN	Khu Công nghiệp
BQL	Ban Quản lý
BOD	Biochemical Oxygen Demand – Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Chemical Oxygen Demand - Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
GXN	Giấy xác nhận
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
NTSH	Nước thải sinh hoạt
NTSX	Nước thải sản xuất
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
QCDP	Quy chuẩn địa phương
QĐ-TTg/QĐ-UBND	Quyết định - Thủ tướng/Quyết định Ủy ban Nhân dân
SS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
TP	Thành phố
XLNT	Xử lý nước thải
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
QĐ	Quyết định
L	Chiều dài
CP	Cổ phần
Sở XD	Sở xây dựng
WHO	Tổ chức y tế thế giới
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của dự án đã được phê duyệt QĐĐTĐM và thay đổi (nếu có)</i> .....	31
<i>Bảng 1.2. Quy mô dự án</i> .....	32
<i>Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành dự án</i> .....	35
<b>Bảng 1. 4. Nguyên nhiên liệu và hóa chất khác</b> .....	35
<b>Bảng 1.3. Khối lượng nước sử dụng 12 tháng năm 2022</b> .....	35
<b>Bảng 1.4. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án</b> .....	35
<b>Bảng 3.1. Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Dự án</b> .....	41
<b>Bảng 3. 2. Các hạng mục của công trình xử lý nước thải</b> .....	46
<b>Bảng 3.3. Danh mục các hạng mục công trình, thiết bị đầu tư lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải</b> .....	47
<b>Bảng 3.4. Tổng hợp số lượng, dung tích thùng chứa rác tại cơ sở.</b> ....	50
<b>Bảng 3.5. Bảng thành phần và khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát chất thải nguy hại</b> .....	51
<b>Bảng 4. 1 .Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án</b> .....	58
<b>Bảng 4.2. Bảng giá trị giới hạn đối với tiếng ồn tại cơ sở</b> .....	59
<b>Bảng 4.3. Bảng giá trị giới hạn đối với độ rung tại cơ sở</b> .....	59
<b>Bảng 4.4. Bảng thành phần khối lượng CTNH tại cơ sở</b> .....	60
<b>Bảng 4.5. Bảng thành phần khối lượng chất thải sinh hoạt tại cơ sở</b> .....	60
<b>Bảng 4.6. Bảng thành phần khối lượng chất thải sinh hoạt tại cơ sở</b> .....	61
<b>Bảng 4.7. Bảng danh mục thiết bị PCCC tại cơ sở</b> .....	62
<b>Bảng 5.1. Kết quả phân tích môi trường 2021</b> .....	63
<b>Bảng 5.2. Kết quả phân tích môi trường 2022</b> .....	64
<b>Bảng 5. 3. Kinh phí giám sát mẫu nước 1 lần trong giai đoạn vận hành</b> .....	68
<b>Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm của dự án</b> .....	65

<b>Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian lấy mẫu các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài. ....</b>	<b>66</b>
<b>Bảng 6.3. Vị trí đo đạc, thông số quan trắc của mẫu nước thải.....</b>	<b>66</b>



## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Quy trình hoạt động của dự án.....	34
Hình 3.1. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của cơ sở .....	40
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát các loại nước thải tại cơ sở .....	41
Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải tại cơ sở.....	44
Hình 3.4. Hình ảnh mặt cắt và mặt bằng hệ thống xử lý .....	46
Hình 3.5. Hình ảnh khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.....	50
Hình 3.6. Khu vực/ Kho chứa chất thải chất thải nguy hại .....	52

## CHƯƠNG I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

#### 1.1. Tên chủ dự án:

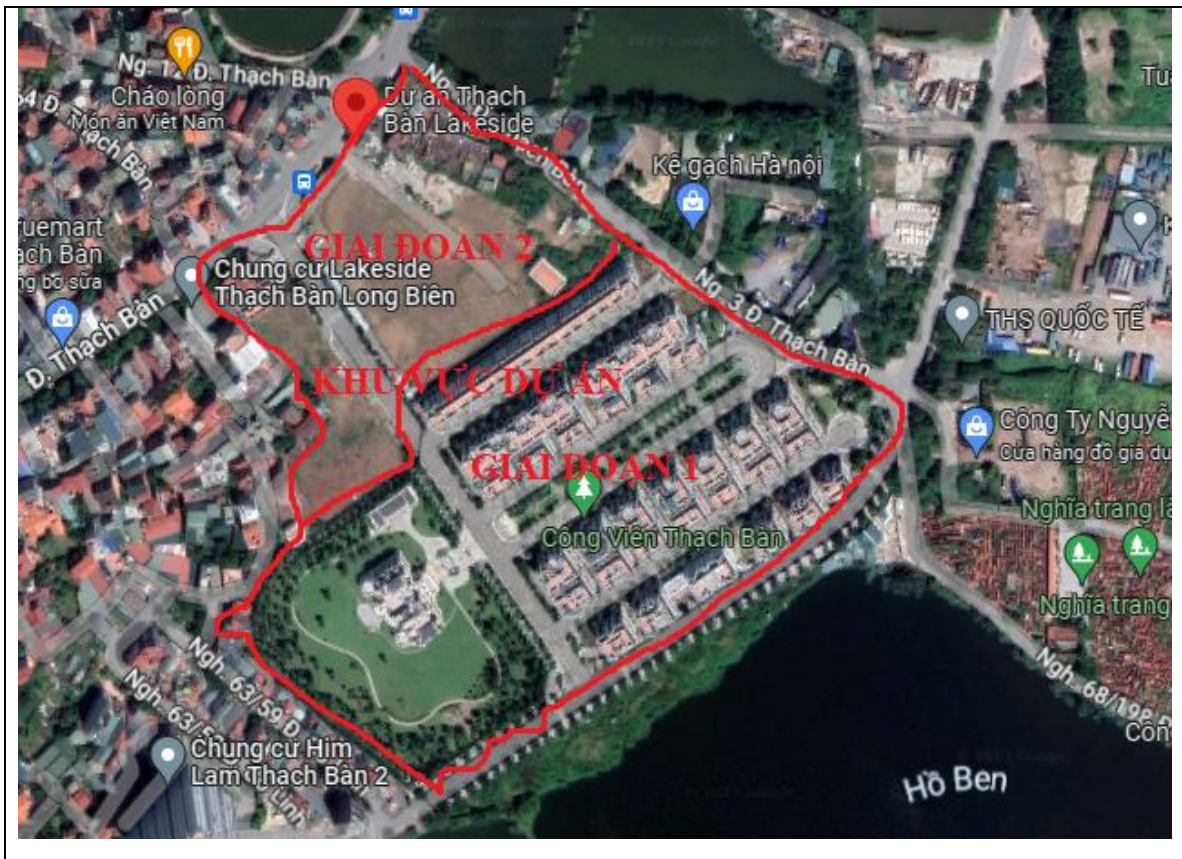
#### **CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN THẠCH BÀN LAKESIDE**

- Địa chỉ văn phòng: Số 21 Thạch Bàn, Phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến Đức
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 024 36756655 Fax: : 024 3816999 ; E-mail:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp số: 0106793937, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 7 năm 2021.

#### 1.2. Tên dự án đầu tư:

#### **“KHU NHÀ Ở THẠCH BÀN LAKESIDE – GIAI ĐOẠN 1”**

- Địa điểm dự án: Số 21 Thạch Bàn, Phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội
- Vị trí địa lý cơ sở:
  - Phía Tây Bắc : Giáp đường Thạch Bàn;
  - Phía Đông Bắc : Giáp đường hiện trạng và dân cư;
  - Phía Đông Nam : Giáp khu vực hồ nước hiện trạng;
  - Phía Tây Nam : Khu tái định cư phục vụ dự án Công viên Công nghệ Thông tin và Khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside hiện có thuộc phường Thạch Bàn;



- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng và giấy tờ pháp lý liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):
  - + Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 7/5/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết Khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside, tỷ lệ 1/500.
  - + Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án số: 1583/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
  - + Hợp đồng thuê đất số: 648/HĐTD do Sở TNMT ký ngày 30/12/2013
  - + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 194/GP-UBND ngày 29/6/2020
- Loại hình sản xuất của dự án: Xây ở nhà thương mại
- Quy mô của dự án đầu tư: Dự án theo điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020. Theo điều 28 dự án đầu tư nhóm 3 nhóm ít gây nguy cơ tác động xấu đến môi trường.
  - Tổng diện tích khu đất của dự án: 78.914m<sup>2</sup>,

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) :

+ Vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 970.000.000.000 VNĐ (chín trăm bảy mươi tỷ đồng chẵn).

+ Theo quy định pháp luật về đầu tư công Căn cứ theo khoản 4 điều 9 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. Dự án thuộc tiêu chí phân loại **nhóm B**; khoản 4, điều 8 của Luật này mức đầu tư từ 60 tỷ đến dưới 1000 tỷ đồng

- Tổng số nhân khẩu dự kiến giai đoạn 1: 344 người (Hiện nay trong số 86 căn nhà chỉ khoảng 10 hộ gia đình).

- Chế độ làm việc: 365 ngày/1 năm ; (Đối với VP ban quản lý dự án số ngày 330 ngày/năm làm việc 5-5,5 ngày/ tuần, 8 tiếng/ca, ngày 1 ca)

Tóm tắt qua dự án: Năm 2018 dự án được phê duyệt ĐTM và phân kỳ xây dựng 02 giai đoạn (giai đoạn 1: Đã hoàn thiện xong 86 căn thấp tầng và văn phòng dự án; giai đoạn 2 toà cao tầng và trường học..... do nhiều lý do như bệnh dịch.... Hiện chủ dự án tạm dừng thi công giai đoạn 2 thực hiện chờ xin các cấp có thẩm quyền thay đổi kiến trúc nội bộ; Hiện dự án đã được Sở kiến trúc và quy hoạch đồng ý và đã có công văn gửi UBND TP, Hà Nội số: 4753 /QHKT-BSH ngày 31/10/2022) đang trình chờ UBND TP. Hà Nội phê duyệt). Vì vậy hiện nay chủ dự án xin đề nghị cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1 đã đi vào vận hành của dự án. .Cụ thể các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của dự án đã được phê duyệt QĐĐTMT và thay đổi (nếu có)**

Tiến độ thực hiện dự án lập ĐTM theo QĐ số: 1583/QĐ-UBND - Giai đoạn 1	Tiến độ thực hiện dự án - Giai đoạn 2
<p>1. Khảo sát, Lập dự án đầu tư, TKCS và trình phê duyệt (Đã xong)</p> <p>2. GPMB, di dời nhà xưởng cũ (Đã xong)</p> <p>3. Khảo sát, Xin thay đổi quy hoạch, Thiết kế BVTC và các loại giấy tờ phê duyệt mới ĐTM, TKXD, (Quý 2/2017-Quý 3/2018) đã xong</p> <p>4. Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, CT công cộng như đường xá; tiểu cảnh khu thấp tầng; CT xử lý nước thải, trạm điện...(đã xong)</p> <p>5. Thi công xây dựng công trình thấp tầng BT và nhà lê kê 86 căn hộ (đã xong)</p> <p>6. Thi công xây dựng chung cư CT1&amp;CT2; trường mẫu giáo; khu thể thao, cây xanh.... (dừng chờ thay điều chỉnh thiết kế nội bộ xây dựng và giảm số dân cư sinh sống : 2811 người) (chưa thực hiện)</p> <p>7. Đi vào giai đoạn 1 hoàn thành hoạt động Dự án (Quý 4/2021 hiện khoảng 8-10 hộ đã chuyển vào ở)</p>	<p>6. Lập hồ sơ cấp có thẩm quyền xin thay đổi thiết kế nội bộ của công trình tòa CT1&amp;CT2; trường mẫu giáo; khu thể thao, cây xanh.... (hiện các thủ tục đã tiến hành Sở Quy hoạch và Kiến trúc đã có công văn gửi UBND TP, Hà Nội số:4753 /QHKT-BSH ngày 31/10/2022)</p> <p>Thiết kế nội bộ về xây dựng thay đổi không xây nhà cao tầng, số căn hộ thấp tầng dự kiến còn 12 căn và 02 lớp mẫu giáo và dân số dự kiến giảm cả dự án còn: 564 người)</p> <p>7. Thi công xây dựng giai đoạn 2 (Quý 2/2023-Quý 4/2024)</p> <p>8. Đi vào hoạt động Dự án giai đoạn 2 (Quý 2/2025)</p>

**Bảng 1.2. Quy mô dự án**

STT	Thông số dự án	Đơn vị	Chỉ tiêu xây dựng theo quy hoạch ĐTM theo QĐ số: 1583/QĐ-UBND
	<b>Giai đoạn 1</b>		
<b>A</b>	<b>Tổng diện tích ô đất nghiên cứu quy hoạch</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>59.448</b>
1	Diện tích xây dựng hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông nội bộ	m <sup>2</sup>	22.056
2	Diện tích xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tiểu cảnh, cảnh xanh;	m <sup>2</sup>	13.113
3	Hệ thống XLNT; kho chứa CTR; trạm biến áp (Hệ thống xử lý nước thải 100m; kho CT50m; trạm biến áp 2 cái 25m/ cái)	m <sup>2</sup>	200
4	Hành lang mương	m <sup>2</sup>	1.658
5	Diện tích xây dựng nhà thấp tầng (dưới 5 tầng gồm BT và nhà liền kề 86 căn) tỷ lệ phần trăm xây dựng 70%	m <sup>2</sup>	22.056
6	Dân số điền đầy căn hộ	người	400
<b>B</b>	<b>Giai đoạn 2 (Giai đoạn nay đang xin thay đổi thiết kế nội bộ hiện sở Quy hoạch kiến trúc đang trình chờ UBND TP ra quyết định)</b>		<b>19.466</b>
1	Xây nhà Cao tầng (chuyển đổi nhà thấp tầng khoảng 20 căn)		9.456
2	Nhà trẻ		4.777
3	Đất công cộng (Bãi đỗ xe và cây xanh)		5.233
4	Tổng số căn hộ dự kiến 2 GD	Căn	106
6	Dân số điền đầy	Người	164

### 1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

#### 1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Mục tiêu của dự án là đầu tư xây dựng giai đoạn 1 của dự án Khu nhà ở thương với quy mô:

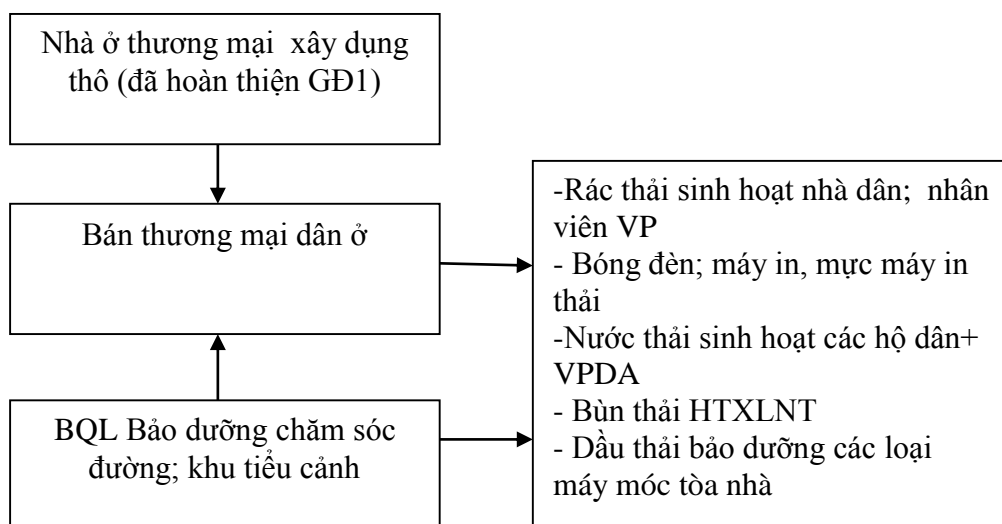
- Tổng số căn hộ: 86 căn nhà thấp ;
- Dân số giai đoạn 1: 344 người (GD1: hiện đã có 10 hộ vào sinh sống)



### 1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Dự án không sản xuất sản phẩm là nhà ở thương mại, trong giai đoạn đưa dự án đi vào vận hành, Chủ đầu tư thành lập ban quản lý khu nhà, quản lý hoạt động chung vệ sinh, cảnh, an ninh, chịu trách nhiệm sửa chữa, khắc phục các sự cố, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

#### 1.3.2.1. Quy trình hoạt động của khu nhà ở thương mại:



**Hình 1.1. Quy trình hoạt động của dự án**

#### ❖ Thuyết minh công nghệ:

*Giai đoạn 1 dự án hoàn thành năm 2020, các hộ dân vào ở quý 2 năm 2021, hiện khoảng 10 hộ vào ở. Hiện các nhà trong dự án đã được người dân mua hết nhưng dân chưa đến ở*

*Văn phòng dự án chịu trách nhiệm quản lý và xử lý toàn bộ các công trình công cộng như đường đi; chăm sóc tiểu cảnh; xử lý nước thải, thu gom rác thải, điện, nước, an ninh.....*

### 1.3.3. Sản phẩm của dự án:

Sản phẩm tại dự án là: Nhà ở thương mại diện tích: 78.914 m<sup>2</sup> ( giai đoạn 1: 59.466 m<sup>2</sup> – nhà thấp tầng)

## 1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:

### 1.4.1. Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành của dự án



### **Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành dự án**

#### **1.4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng:**

Cơ sở không sản xuất ra sản phẩm nên không phát sinh phân này.

**Bảng 1. 4. Nguyên nhiên liệu và hóa chất khác**

<b>TT</b>	<b>Tên nguyên liệu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Nhà cung cấp</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>
1	DO (Dự phòng cho máy phát điện 02 cái)	Lít/năm	2000L	Petro VN	Máy phát điện
2	Dầu mỡ bôi trơn, làm mát thiết bị	Kg/năm	5	Mua TT	Bảo dưỡng TB
3	Giaven 25%	L/năm	100		xử lý nước thải

( Nguồn: Công ty TNHH Thạch Bàn, 2022)

#### **1.4.3.Nguồn cung cấp điện, nước:**

##### **1.4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp điện**

– Nguồn cung cấp điện: Công ty Điện lực Long Biên – EVEN Hà Nội

Nhu cầu sử dụng điện: Trung bình khoảng 260.000 KWh/ tháng phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của các hộ dân. (Hóa đơn điện chi tiết phụ lục báo cáo).

Công trình có quy mô lớn nên nguồn cấp điện cho toàn bộ công trình được lấy từ mạng điện trung thế 22 kV của khu vực, xây dựng 02 trạm biến áp TBA 22 kV/0.4 kV gồm 02 máy biến áp 1600 và 300 kVA cung cấp điện toàn bộ dự án.

Vị trí đặt máy biến áp tại góc phía Tây và Nam của dự án.

– Ngoài ra, Công ty đã trang bị thêm 02 máy phát điện dự phòng công suất 300 và 600 KW để phục cho hoạt động của dự án khi xảy ra tình trạng mất điện.

##### **1.4.3.2.Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước**

– Nguồn cung cấp nước: Công ty CP Nước sạch Hà Nội – số2.

– Nhu cầu sử dụng nước:phục vụ cho hoạt động sinh hoạt và các hoạt động khác (tưới cây, phun nước, rửa sân đường...) và hiện số hộ dân vào ở khoảng 10 hộ.

**Bảng 1.5. Khối lượng nước sử dụng 12 tháng năm 2022**

(Nguồn: Hóa đơn sử dụng nước sạch,2022)

Nhu cầu sử dụng nước cho từng hạng mục của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

**Bảng 1.6. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án**

(Nguồn: Thống kê từ quá trình hoạt động thực tế tại cơ sở trên đồng hồ đo lưu lượng sử dụng)

- (Hóa đơn nước chi tiết phụ lục báo cáo)
- Dự kiến khi dự án GD 1 đi vào hoạt động 100% công suất, nước cấp cho dự án sử dụng cho mục đích sinh hoạt, tưới cây, phòng cháy chữa cháy. Nước sạch cấp cho dự án khi đi vào vận hành từ Công ty nước sạch Long Biên. Dự kiến nhu cầu sử dụng nước của dự án khi đi vào hoạt động ổn định như sau:

TT	Hạng mục	Số lượng	Định mức cấp nước	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngđ)
<b>I</b>	<b>Nước cấp cho dự án - Giai đoạn 1</b>			
1	Nước cấp các nhà ở	344 người	250 lít/ngày theo QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu 80 lít/người/ngày)	86
2	Lao công, bảo vệ, nhân viên ban quản lý tòa nhà	10 người	40 lít/người/ngày theo TCVN 4513:1998	0,4
3	Nước cho hoạt động tưới cây, rửa đường	35.532 m <sup>2</sup>	2 lít/m <sup>2</sup> theo theo QCVN 01:2021/BXD	70
	<b>Nước cấp Giai đoạn 2</b>			
1	Nước cấp các nhà ở	80 người	250 lít/ngày theo QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu 80 lít/người/ngày)	20
1	Nhà trẻ ( các cháu và cô giáo, DV bãi xe)	140	75 lít/cháu/ngđ theo QCVN 01:2021/BXD	10,5
<b>Tổng nhu cầu sử dụng nước giai đoạn vận hành</b>				<b>≈ 187m<sup>3</sup>/ngđ</b>
<b>Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất (lấy hệ số không điều hòa k = 1,2)</b>				<b>≈ 210m<sup>3</sup>/ngđ</b>

### 1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

Dự án đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số: 1583/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Hà Nội.

Hiện dự án đã hoàn thiện GD 1; năm 2021 dự án tạm dừng thi công GD 2 do chủ dự án có sự thay đổi về thiết kế nội bộ và đã làm các thủ tục đề trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự kiến giai đoạn 2 sẽ xây dựng năm 2023 khi được UBNDTP phê duyệt.

Dự án đã xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường và đang trong giai đoạn hoàn thiện tất cả các hạng mục công trình xây dựng để chuẩn bàn giao đi vào

vận hành.

Tại thời điểm hiện tại cơ sở đã bắt đầu bàn giao nhà cho người dân từ tháng 12 năm 2021, Hiện T12/2022 tỉ lệ lấp đầy hiện tại khoảng 10-15%. Các khu vực nhà trẻ chưa xây dựng.

Các công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng hoàn thiện tại dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Hà Nội bao gồm 02 hệ thống xử lý nước thải tập chung. Tuy nhiên do chủ dự án có thay đổi thiết kế nội bộ nên số người giảm từ 2.811 người còn 564 người. Sau khi tính toán chủ dự án chỉ cần lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải tập chung sẽ đủ cho dự án (chi tiết giải trình phía sau)

01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Công nghệ xử vi sinh và khử trùng (chi tiết chương 3 báo cáo)

## **CHƯƠNG II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):**

Dự án phù hợp với quy hoạch và chủ trương của UBND thành phố về phát triển nhà ở thương mại theo Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 7 tháng 5 năm 2018 và QĐ 5049/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

##### **2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.**

Hiện tại, chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia nên không thực hiện phần đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

##### **2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Cơ sở nằm trong địa giới hành chính của thành phố Hà Nội và được sự cho phép của UBND thành phố Hà Nội cũng như các sở ban ngành sở Quy hoạch và Kiến trúc, sở Xây dựng chấp thuận. Việc xây dựng công trình khu nhà được thực hiện theo đúng quy định đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động các chất thải phát sinh : Nước thải đã được xử lý đạt chất lượng cho phép đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực; chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại đều được thu gom và hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Do vậy, dự án phù hợp với quy hoạch tỉnh và phân vùng môi trường của thành phố Hà Nội .

#### **2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.**

Cơ sở nằm trong trong khu dân cư của thành phố, hiện tại thành phố Hà Nội đã quy hoạch và xây dựng các hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung theo khu vực. Nước thải phát sinh tại dự án đã được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) và được xả ra cống thoát nước chung khu vực sau đó công ty cấp, thoát nước tiếp tục dẫn về khu vực xử lý tập chung theo quy định.

Nước thải sau xử lý tại cơ sở được chảy ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực ngõ 63 đường Cổ Linh với 01 cửa xả. Lưu lượng xả lớn nhất là 200

m<sup>3</sup>/ngày.đêm tương đương với khoảng 0.005 m<sup>3</sup>/s.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là công thoát nước bằng BTCT D1500 trên đường ngõ 63 Cổ Linh. Tính toán khả năng tiêu thoát nước của cống thoát nước khu vực như sau:

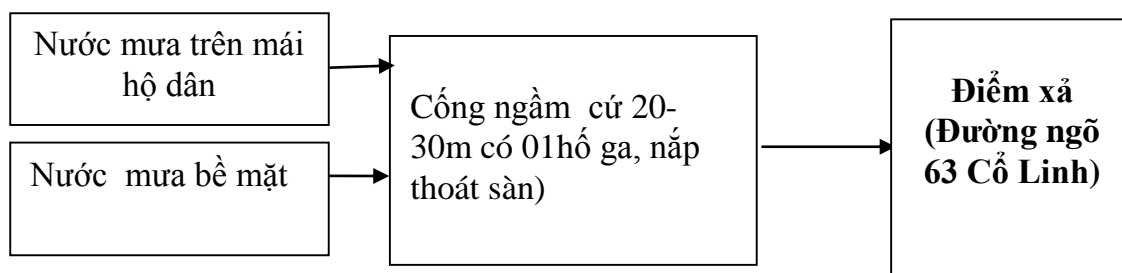
Các nội dung đã đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường hiện giai đoạn 1 không có thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt.

### CHƯƠNG III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

#### 3.1.1.Thu gom, thoát nước mưa:



**Hình 3.1.Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của cơ sở**

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được phân chia làm 2 loại nước mưa trên mái của các hộ dân (là công trình bàn giao thô nên các cơ sở vật chất cố định được chủ đầu tư thực hiện bằng ống nhựa chuyên dụng D150 thoát ra đến cống chung trong phạm vi báo cáo này không tính đến phần đường ống nằm trong từng hộ gia đình và chỉ tính phần ngoài hàng rào) và nước mưa chảy tràn.

- Diện tích cơ sở 78,481m<sup>2</sup> vậy nên lượng nước mưa cũng lớn chủ dự án đã đầu tư tuyển ống đủ lớn vận chuyển nước mưa tránh úng ngập. Cơ sở được thu gom bằng hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép đúc sẵn các kích cỡ.

+ Cống theo tuyến giữa 2 dãy nhà được sử dụng cống bê tông đúc sẵn giữa đường có kích cỡ P+300; 600 và 800m; cứ 20-30m chiều dài thì có 1 hố ga thậm chí có kích cỡ DxRx C (1,0x1,0x1,5m).

+ Tuyến đường trục chính được sử dụng cống bê tông đúc sẵn giữa đường có kích cỡ P1000; 12500 và 1500m cứ 20-30m chiều dài thì có 1 hố ga thậm chí có kích cỡ DxRx C (1,0x1,0x1,5m).

Ngoài ra chủ dự án sử dụng các ống nhựa PVC để đấu nối từ ngoài hàng rào các giá đình vào cống thoát chung (Ống PVC 160-300)

Trên bề mặt hố ga có đặt tấm đan có lỗ mục đích thoát nước bề mặt. Chiều dài của hệ thống cống ngầm thoát nước mưa khoảng 1300m quanh khu vực dự án và theo lô và

tuyến chính.

- Lượng nước trên bề mặt sân đường được thu gom qua các mặt tấm đan (thoát sàn) qua các hố ga mục đích lắng cặn, rác sau đó được chảy ra công thoát ngầm trên đường ngõ 63 đường Cổ Linh. Định kỳ các hố ga được nạo vét các loại rác, đất đá đảm bảo dòng chảy thông thoáng, không để đất đá, rác chảy ra công chung của khu vực, tránh gây tắc nghẽn, ngập lụt cục bộ.

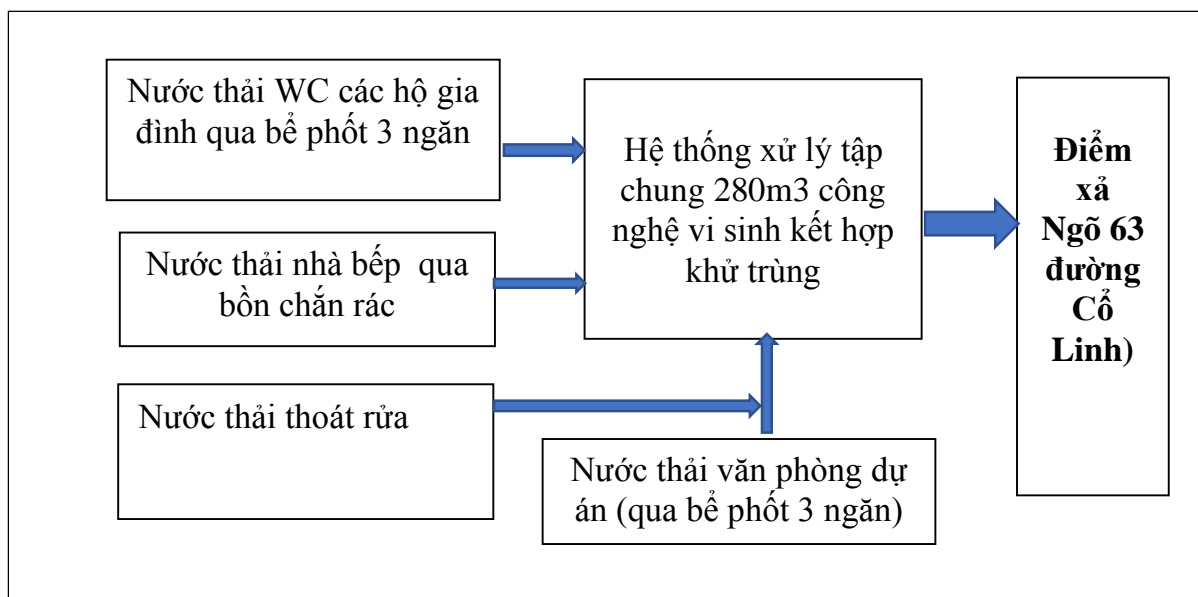
+ Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại dự án

### **Bảng 3.1. Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Dự án**

( Nguồn: Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom thoát nước mưa, 2020)

#### **3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:**

Nước thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án bao gồm: nước thải sinh hoạt của các hộ dân và văn phòng dự án (Ban quản lý tòa nhà). Sơ đồ thu gom, xử lý, thoát các loại nước thải của dự án như sau:



**Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát các loại nước thải tại cơ sở**

#### **3.1.2.1. Công trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:**

Lượng nước thải của cơ sở là nước thải sinh hoạt được thu gom từ các hộ gia đình và văn phòng như sau:

+ Khu nhà vệ sinh (WC) các hộ gia đình được xử lý qua bể phốt 3 ngăn sau đó được kết nối với hệ thống xử lý nước thải để đưa về hệ thống xử lý tập trung

(hệ thống ống dẫn được tính ngoài bờ rào của hộ gia đình). Danh mục chủng loại hệ thống thu gom nước thải

+ Khối lượng đường ống thoát nước thải các loại là: 1500m, các vị trí đầu nối qua hệ thống hố ga (giếng thăm theo kỹ thuật đã được duyệt) cụ thể như sau:

- Nước thải sau khi qua xử lý sơ bộ bằng hệ bể phốt 3 ngăn từ các hộ gia đình được đưa ra hệ thống công thu gom chung đường phân lô trước nhà (đường nhánh) hệ ống nhựa U.PVC200 từ ngoài bờ rào các hộ gia đình ra đến ống chung chiều dài 1078m.
- Đường ống thoát nước thải của các đường nhánh hệ ống tròn BTCT300 về hệ thống xử lý chiều dài 315m
- Sau khi nước thải từ đường ống các nhánh ra trực chính được nối hệ ống tròn BTCT400 về hệ thống xử lý chiều dài 114m
- Nước sau xử lý nước thải đạt QCVN14:2008 (cột B) được thoát ra cống chung khu vực.

Khối lượng nước hiện nay sử dụng của các hộ dân khoảng 50m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Sau đó toàn bộ nước thải được đưa về hệ thống xử lý tập chung của tòa nhà công suất xử lý hệ thống 280m<sup>3</sup>/ngày. đêm và được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN14:2008/BTNMT (cột B) xả ra cống chung ngõ 63 đường Cổ Linh .

**Công trình thu gom nước thải sinh hoạt (*nước thải từ các hộ gia đình*).**

- Nước thải sinh hoạt được thu gom từ các hộ gia đình bằng hệ thống công thoát nước chung và được đưa về hệ thống xử lý tập trung.

Nước thải khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 280 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B) sau đó từ hố ga vào cống chung ngõ 63 đường Cổ Linh.

Tọa độ vị trí cửa xả được xác định theo tọa độ VN 2000 như sau:

(X: 2.325.883(m); Y: 594,568 (m));



### **3.1.2.2. Công trình thu gom, thoát nước thải sản xuất**

#### **a. Công trình thu gom nước thải sản xuất**

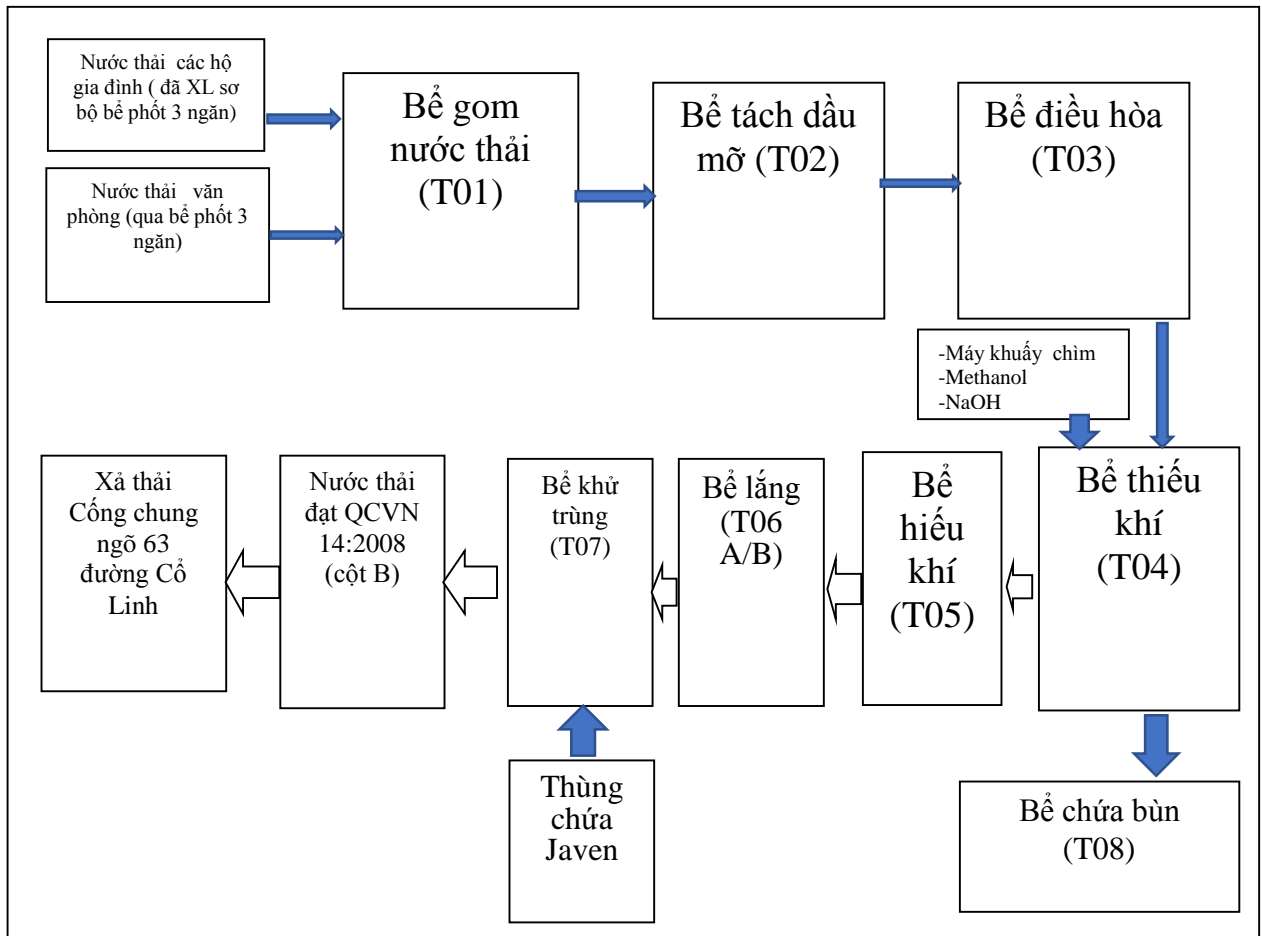
- Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất

### **3.1.3. Xử lý nước thải:**

#### **3.1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:**

Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt và được chủ cơ sở đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải tập chung trước khi dự án đi vào hoạt động năm 2020. Hàng năm cơ sở dung trì hoạt động bảo dưỡng, bảo hành đầy đủ.....

- + Tư vấn giám sát công trình xử lý: Viện Khoa học công nghệ xây dựng –IBST
- + Nhà thầu phụ: Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Đông Vinh



**Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải tại cơ sở 280m<sup>3</sup>/ngày đêm**

### ***Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải tập chung***

Công nghệ xử lý nước thải là công nghệ sinh học kết hợp lắng lọc và khử trùng, hệ thống tự động hóa hoàn toàn trong quá trình xử lý, tổng thể tích bể 222m<sup>3</sup> cụ thể như sau:

- ✓ Bể 1 thu gom nước thải - T01: Nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình bao gồm nước nhà vệ sinh đã qua bể phốt 3 ngăn và nước khác qua hệ thống ống dẫn bằng hệ thống đường ống công BTCT đưa vào bể thứ nhất (T01); tổng thể tích 17,6m<sup>3</sup> có vai trò thu gom nước thải.
- ✓ Bể 2 Bể tách dầu mỡ -T02: Nước thải nhà bếp có chứa dầu mỡ khá cao nếu không được thu gom sẽ gây tắc nghẽn công làm ức chế quá trình hoạt động VSV trong nước. Nhiệm vụ của bể là tách dầu mỡ trước khi nước thải đi vào hệ thống xử lý tránh làm tắc nghẽn đường ống và làm hư hỏng hệ VSV

phía sau. Dầu mỡ giữ lại trên bề mặt bể định kỳ được dẫn về bể chứa bùn, tổng thể tích 10,4m<sup>3</sup>

- ✓ Bể 3 Bể điều hòa –T03: Nhiệm vụ bể điều hòa là phương pháp áp dụng để khắc phục vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng, cải thiện hiệu quả của các quá trình tiếp theo.

Chất lượng nước sau xử lý được cải thiện do tải trọng chất thải lên công trình ổn định

Tiết kiệm diện tích xây dựng do công trình bể điều hòa được thiết kế theo lưu lượng thải trung bình.

Bể điều hòa T03 tổng thể tích 71.2m<sup>3</sup> được tính toán thời gian lưu 9h; để bơm nước lên công trình tiếp theo. Tại đây có 02 bơm chìm được làm việc luân phiên dự phòng bơm hỏng.

Tại bể này rác được giữ lại nhờ hệ thống song chắn rác.

- ✓ Bể 4 Bể thiếu khí –T04: Bể thiếu khí (kị khí) mục đích xử lý N, P trong điều kiện hiêm khí không cung cấp oxy bên ngoài vào. Máy bơm khuấy trộn chìm nhằm xáo trộn dòng nước trong bể bể lắng nhờ vậy mà các vi sinh vật thiếu khí sẽ tiếp xúc được với nước thải giúp vi sinh phát triển tốt và xử lý nước thải hiệu quả hơn. Trong điều kiện cần bổ sung Methanol làm thwucs ăn cho VSV. Nâng PH (nếu cần) bằng kiềm loãng. tổng thể tích 31m<sup>3</sup>

- ✓ Bể 5 Bể hiếu khí –T05: Bể hiếu khí (MBBR) là công nghệ kết hợp được các ưu điểm vượt trội của hệ thống bùn hoạt tính và bể lọc sinh học, sử dụng các giá thể sinh học cho các vi sinh vật bám vào tạo màng để VSV phát triển thực hiện phân hủy các chất hữu cơ, hợp chất nito, phốt pho trong nước thải. Bể hoạt động tốt trong điều kiện lưu lượng, tải lượng ô nhiễm cao,

Một đặc điểm ưu việt của công nghệ MBBR không cần quá trình tuần hoàn tạo bùn tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý nước thải bằng bùn hoạt tính vì sinh khối trong bể ngày càng tăng. tổng thể tích 71,2m<sup>3</sup>

- ✓ Bể 6 Bể lắng –T06: bể lắng có tác dụng lắng lọc làm sạch triệt để hơn ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước; Tại đây bùn lắng được bơm quay trở lại ngăn bể 4 thiếu khí (T04) để bổ sung vi khuẩn có lợi phân hủy chất hữu cơ phần nước trong được chảy sang bể khử trùng trực khi xả ra môi trường. Tổng thể tích 65m<sup>3</sup>
- ✓ Bể 7 Bể khử trùng –T07: Nước thải sau xử lý được khử trùng mục đích tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh có trong nước thải. Dung dịch khử trùng là Javen 20-25% bơm qua hệ thống bơm định lượng tự động. Tổng thể tích bể 10,8m<sup>3</sup> Nước tại bể T07 được đặt bơm tự động định kỳ ra cống thải chung ngõ 63 đường Cổ Linh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT (cột B).
- ✓ Bể 8 Bể chứa bùn –T08: Chứa bùn từ bể hiếu khí, bùn dư bể lắng sinh học phần nước được thu gom về bể điều hòa tiếp tục xử lý, bùn sau khi phân tích không thuộc CTNH sẽ được định kỳ thuê đơn vị có chức năng xử lý. Tổng thể tích bể 15,1m<sup>3</sup>

Đối với bùn thải tùy vào tình hình thực tế khi sử dụng định kỳ khoảng 03 tháng – 06 tháng/01 lần cơ sở sẽ được thuê đơn vị có chức năng đến hút và xử lý. Hiệu suất xử lý của CNXL đạt 98-99%.

### Hình 3.4. Hình ảnh mặt cắt và mặt bằng hệ thống xử lý

#### b. Các hạng mục chính của HTXLNT

Các hạng mục chính của hệ thống bao gồm:

**Bảng 3. 2. Các hạng mục của công trình xử lý nước thải**

STT	MÔ TẢ	Số lượng	KÍCH THƯỚC (MÉT)			VẬT LIỆU
			DÀI (L)	RỘNG (W)	CAO (H)	

1	Bể thu gom T01 tổng V=17,6m <sup>3</sup>	1	3,8	1,2	3,87	BTCT; cốt thép, xi măng Hoàng Thạch mác P30, quyết chống thấm 2 lớp
2	Bể tách dầu mỡ - T02 V = 10,4 m <sup>3</sup>	1	2,7	1,0	3,87	
3	Bể điều hòa T03 V=71.2 m <sup>3</sup>	1	4,6	4,0	3,87	
4	Bể thiếu khí –T04 V = 31 m <sup>3</sup>	1	4,0	2.0	3,87	
5	Bể hiếu khí –T05 V=71,2	1	4,6	4,0	3,87	
6	Bể lắng –T06 V=65	1	4,0	4,0	3,87	
7	Bể khử trùng T07 V= 10,8m <sup>3</sup>	1	2,8	1.0	3,87	
8	Bể chứa sau xử lý TK06 (V= 8.3m <sup>3</sup> )	1	1.5	1.5	3,87	
9	Bể chứa bùn –T08 V= 15,1	1	3,9	1.0	3,87	

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công HTXLNT, 2020)

**Bảng 3.3. Danh mục các hạng mục công trình, thiết bị đầu tư lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải**

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Công suất
1	Hệ thống bể bê tông cốt thép	Việt Nam	Hệ thống	-
2	Bơm chìm các bể và bơm bùn (gom, điều hòa nước bể điều hòa, bể lắng)	Nhật	08	(Q=16m <sup>3</sup> /h; H=5m; F=0,75KW
3	Bơm nước sau hệ thống xử lý	Nhật	02	(Q=16m <sup>3</sup> /h; H=5m; F=0,75KW

4	Máy thổi khí	Nhật	04	(Q=1,5m <sup>3</sup> /h; H=15m; F=1,5KW
5	Bơm định lượng	Nhật	02	(Q=15,76L/h; H=4,2bar; F=125W)
6	Máy khuấy chìm	Nhật	02	Chế tạo vật liệu SUS 304
7	Đĩa phân phối khí	Nhật	18	D270
8	Giá thể vi sinh	Hệ thống		Vật liệu HDPE
9	Bồn nhựa PE chứa hóa chất khử trùng	Việt Nam	03	Nhựa 500L
10	Đồng hồ đo lưu lượng	Nhật	01	

(Nguồn: Công ty TNHH Thạch Bàn -2020)

### 3.1.3.3. Quan trắc tự động nước thải

Công ty không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động nên không lắp đặt hệ thống quan trắc tự động.

## 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Công ty không phát sinh khí thải

### 3.2.1. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:

### 3.2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải, bụi phát sinh từ các phương tiện GTVT, khu vực xử lý nước thải; máy phát điện

– Bố trí nhân viên vệ sinh quét; rửa đường, thu gom rác thải, lá cây trong phạm vi cơ sở tối thiểu 1-2 lần/ ngày.

– Có kế hoạch điều động các xe ra vào hợp lý, khoa học.

– Định kỳ công ty bảo dưỡng định kỳ đảm bảo máy móc làm việc êm ái tránh phát sinh tiếng ồn tại công đoạn máy thông khí của khu vực thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

### 3.2.4. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh tại khu vực thu gom, lưu giữ rác thải:

- Rác thải sinh hoạt được lưu giữ tại các thùng chứa rác loại 40L -60L tại các trục đường chính và thùng, xe 500L tại khu vực kho chứa rác.

+ Đối với các thùng chứa 40 -60L để dọc các khu vực trục đường chính được nhân viên vệ sinh thu gom ngày 02 lần gom về khu vực xe, thùng chứa 500l tại khu tập kết rác có nắp đậy hạn chế mùi hôi phát tán ra ngoài lưu trữ trong kho chứa chất thải sinh hoạt của dự án

- Định kỳ 1 lần/ ngày công nhân vệ sinh tại cơ sở có trách nhiệm thu gom rác thải mang về khu vực tập trung để đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

### **3.2.5. Biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh từ máy phát điện.**

- 02 máy phát điện dự phòng được bố trí tại 02 khu vực; máy phát điện 300 được đặt trong trạm điện 320KVA, diện tích 10m<sup>2</sup> (gần BT4); máy phát 600 đặt trong trạm biến áp 1600, diện tích 16m<sup>2</sup> (gần khu nhà thấp tầng A1) trạm biến áp nằm trong khuôn viên dựa án là khu kỹ thuật cách xa khu vực nhà ở và được thiết kế đảm bảo đủ các yêu cầu kỹ thuật cần thiết.

- Sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp DO 0,05%

- Máy phát điện sử dụng chỉ trong trường hợp cần thiết (*có sự cố mất điện*).

### **3.2.6. Biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn:**

Cơ sở không có bếp ăn

### **3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

Cơ sở là khu dân cư chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

#### **3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

❖ *Thành phần:*

Là khu dân cư nên phát sinh chất thải chính là chất sinh hoạt (1 giấy bìa, chai nhựa có thể tái chế và chất thải từ vỏ hoa quả, củong rau, hộp đồ đựng ăn uống....

Thực phẩm thừa, vỏ hộp xốp đựng đồ ăn, vỏ hộp sữa, chai lọ thủy tinh....

❖ *Khối lượng phát sinh:*

Với khối lượng người đã về ở 10 hộ gia đình và văn phòng dự án tổng số người khoảng 10 người (Văn phòng và bảo vệ) và chỉ làm hành chính không nấu ăn, tắm giặt..... thì lượng rác thải phát sinh 1 năm vào khoảng 83m<sup>3</sup>. Nếu dự án điền đầy rác thải khoảng 650m<sup>3</sup>/năm (công ty MTĐT Long Biên tính theo đơn vị m<sup>3</sup>). Được thống

kê như sau:

TT	Nhóm CTSH	Số lượng (năm)
1	Nhóm chất thải tái chế (giấy bìa, chai nhựa....)	200 kg/ năm
2	Rác thải hữu cơ (hộp đựng thức ăn; vỏ hoa quả, bã chè, bã café, thức ăn, lá cây..)	83m3/ năm
3	Phân, cặn bể phốt (chưa phải hút)	
<b>Tổng cộng</b>		<b>83,2 m3/năm</b>

( Nguồn: Báo cáo công tác Bảo vệ Môi trường, 2022)

❖ *Biện pháp xử lý:*

– Nhằm thu gom xử lý triệt để toàn bộ rác thải sinh hoạt, Công ty đã trang bị các thùng chứa rác với thể tích khác nhau bố trí tại khu vực đường chính; các gia đình đến giờ mang rác ra đổ cho công nhân vệ sinh, sau đó rác đem khu vực chờ đơn vị thu gom.

Cụ thể như sau:

**Bảng 3.4. Tổng hợp số lượng, dung tích thùng chứa rác tại cơ sở.**

TT	Thể tích chứa rác	Số lượng	Vị trí bố trí
1	Xe 500L	10	Khu vực tập kết chờ đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển
3	Thùng 40-60L	20	Đọc vỉa hè trục đường chính

(Nguồn: Công ty TNHH Thạch Bàn, 2022)

– Rác thải ngoài trục đường chính được công nhân vệ sinh thu ngày 02 lần; các hộ gia đình ngày thu gom 1 lần vào giờ cố định. Sau đó được gom ra khu vực tập kết chờ xe đến vận chuyển của công ty MTĐT ngày/lần.

– Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của các hộ dân hiện dân chưa điền đầy do Ban quản lý phụ trách khi dân điền đầy phần rác gia đình do công ty MTĐT Long biên đảm nhiệm. Ban quản lý chịu trách nhiệm khu tiểu cảnh, cây cối.... Hiện nay chủ dự án ký hợp đồng với Công ty Môi trường Đô Thị Long Biên để thu gom xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

**Hình 3. 5. Hình ảnh khu vực tập kết rác thải sinh hoạt**

**3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

➤ *Nguồn phát sinh*

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải



- Bùn từ bể tự hoại
- Sinh khối và giá thể sinh học thay thế từ hệ thống xử lý nước thải

➤ *Thành phần và khối lượng*

+ Khối lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị hút đi xử lý khoảng 20 m<sup>3</sup>/năm (Phần này do các hộ gia đình thuê công ty MTĐT Long Biên khi có nhu cầu).

+ Sinh khối và giá thể sinh học thay thế từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 40 kg/lần thay thế (thời gian thay thế khoảng 2-3 năm/lần).

➤ *Biện pháp thu gom, lưu giữ:*

- 80% lượng bùn được tuần hoàn về bể thiếu khí, lượng bùn còn lại trong bể lắng được đơn vị có chức năng định kỳ 6 tháng/lần hút đi xử lý.

- Bùn thải từ bể tự hoại được định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý (do hộ gia đình tự chi trả).

### 3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại.

Dự án phát sinh chất thải nguy hại khối lượng nhỏ

❖ *Khối lượng phát sinh:*

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án trong giai đoạn vận hành với thành phần và khối lượng phát sinh thường xuyên, cụ thể như sau:

**Bảng 3.5. Bảng thành phần và khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý <sup>(i)</sup>	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
1	Găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại, dầu mỡ, từ quá trình bảo dưỡng, bảo trì công trình	18 02 01	1	Lưu kho-chờ thuê XL	(tên và mã số QLCTNH)	Ví dụ: Tự tái sử dụng; xuất khẩu; đồng xử lý;...
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2	Lưu kho-chờ thuê XL		
3	Dầu thải (dầu, mỡ bôi)	17 02 04	2	Lưu kho-		

	tron từ quá trình thay dầu TB)			chờ thuê XL		
4	Vỏ bao bì dính dầu mỡ, hóa chất	18 01 03	2	Lưu kho- chờ thuê XL		
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1	Lưu kho- chờ thuê XL		
	<b>Tổng số lượng</b>		<b>8</b>			

(Nguồn: Công ty TNHH Thạch Bàn, 2022)

#### **Ghi chú:**

- NH: Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp.

#### ❖ *Biện pháp thu gom, xử lý:*

- Quy mô xây dựng công trình: Chất thải nguy hại đều được lưu chứa tại kho chứa CTNH của Công ty được đầu tư xây dựng trên tổng diện tích 15m<sup>2</sup>. Các thông số kỹ thuật xây dựng cơ bản của kho chứa bao gồm:

- + Quy mô diện tích: 15m<sup>2</sup>; kho chứa nhà mái tôn có khóa và biển cảnh báo;
- + Kết cấu: Tường gạch, mái tôn; có khóa đóng mở;
- + Thiết bị chứa: thùng nhựa chuyên dụng màu vàng, dung tích 50-200lit, số lượng 3 thùng có nắp đậy, trên từng thùng chứa có dán mã chất thải.

+ Nhãn cảnh báo: Phía ngoài kho chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát được treo bảng tên kho, nhãn cảnh báo cháy, độc, phóng xạ, lây nhiễm, độc sinh thái, chất ăn mòn. Ngoài ra việc dán nhãn còn thực hiện đối với các thùng chứa CTNH theo quy định;

Hiện nay khối lượng CTNH ít nên cơ sở lưu kho, báo cáo theo quy định theo đúng quy định của pháp luật tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022.

### **Hình 3.6.Khu vực/ Kho chứa chất thải chất thải nguy hại**

#### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

#### ❖ *Nguồn phát sinh:*

- Hoạt động của phương tiện của nhân viên; người đàn đi lại
- Hoạt động của máy phát điện
- Hệ thống thiết bị hệ thống xử lý nước thải

❖ *Biện pháp giảm thiểu:*

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc tại cơ sở.
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở vị trí phát sinh tiếng ồn, bảo hộ lao động.
- Bố trí khu vực riêng đặt máy phát điện xây dựng tường gạch, mái betong cách xa khu vực văn phòng.

**3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.**

Trạm nước thải tập trung với khối lượng là 280 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Trong quá trình vận hành phát sinh một số sự cố như sau:

**3.6.1. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:**

❖ *Sự cố hệ thống thu gom nước thải về trạm xử lý*

Nguyên nhân: Do vỡ đường ống, tắc nghẽn đường ống

Cách khắc phục: Thường xuyên kiểm tra định kỳ các đường ống thu gom nước nếu có dấu hiệu của nứt, vỡ, tắc nghẽn cần có biện pháp xử lý ngay tránh để nước thải phát sinh ra môi trường.

❖ *Sự cố nước thải không đạt yêu cầu*

Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu chủ dự án sẽ tạm dừng hoạt động của hệ thống để tìm nguyên nhân khắc phục, không xả nước thải ra ngoài môi trường. lúc đó toàn bộ bể xử lý nước thải sẽ có tác dụng như bể lưu giữ nước thải. Trường hợp khắc phục nhanh nước thải từ bể khử trùng sẽ được bơm tuần hoàn lại bể điều hoà để xử lý, trường hợp phải khắc phục dài ngày chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

❖ *Sự cố nước thải về trạm không đạt công suất*

Khi nước thải về trạm không đạt công suất sẽ có hiện tượng vi sinh không có dinh dưỡng để hoạt động, phát triển lúc đó chủ dự án sẽ phải bổ sung vi sinh, dinh dưỡng để cho vi sinh hoạt động tránh hiện tượng chết vi sinh.

❖ *Sự cố hệ thống thu gom nước thải về trạm xử lý*

Nguyên nhân: Do vỡ đường ống, tắc nghẽn đường ống

Cách khắc phục: Thường xuyên kiểm tra định kỳ các đường ống thu gom nước nếu có dấu hiệu của nứt, vỡ, tắc nghẽn cần có biện pháp xử lý ngay tránh để nước thải phát sinh ra môi trường.

❖ *Sự cố tràn nước*

Nguyên nhân: Do quá trình thi công ban đầu không nạo vét kỹ rác có sẵn trong bể, vì thế gây tắc bơm, đồng hồ trong quá trình vận hành dẫn đến tràn nước.

Cách khắc phục: Nạo vét sạch bể trước khi đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước

thải.

Nguyên nhân: Trong quá trình bơm hút bùn do vận hành cầu thả dẫn đến tràn nước.

Cách khắc phục: đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên kỹ càng trước khi vận hành hệ thống xử lý nước thải

#### ❖ **Sự cố bùn nổi**

Nguyên nhân: Do vận hành hệ thống xử lý nước thải trong thời gian dài không tiến hành hút bùn từ bể lắng sang bể bùn dẫn đến phát sinh khí CH<sub>4</sub> trong bể lắng đẩy bùn lên trên bề mặt.

Cách khắc phục: Thực hiện đúng theo hướng dẫn vận hành, định kỳ tiến hành hút bùn về bể bùn và bơm tuần hoàn nước về bể điều hòa.

Nguyên nhân: Do thiết bị cấp khí bị hư hỏng hay các van cấp khí bị đóng dẫn đến vi sinh vật hiếu khí chết vì thế phát sinh sinh khối lớn gây ra bùn nổi.

Cách khắc phục: Thương xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị và đường ống cấp khí vào các bể.

#### ❖ **Sự cố về điện**

Nguyên nhân: Do điện cấp không ổn định về điện áp dẫn đến các thiết bị hoạt động không ổn định.

Cách khắc phục: Cần có các thiết bị ổn định điện áp.

#### ❖ **Sự cố hỏng thiết bị**

- Sự cố với bơm định lượng:

- Tắc bơm định lượng: bơm định lượng hoạt động theo nguyên lý sau

Máy bơm định lượng vận chuyển chất lỏng thông qua hai công đoạn, đó là công hút và công đoạn đẩy. Ở công đoạn hút, chất lỏng được hút từ bồn hóa chất vào chỗ trống trong buồng bơm qua van một chiều ống hút. Ở công đoạn đẩy, van một chiều tại ống hút bị đóng lại, van 1 chiều tại ống đẩy mở ra, chất lỏng trong buồng bơm bị đẩy lên bể lắng.

- Cách khắc phục sự cố tắc bơm định lượng:

+ Kiểm tra lại trở bơm có bị tắc không và vệ sinh lại nếu tắc.

+ Trường hợp bơm vẫn chảy bình thường mà không lên nước chúng ta sẽ điều chỉnh như sau: Đầu tiên chắc chắn bạn đã tắt bơm đi. Trên thân bơm có nút vặn điều chỉnh lưu lượng (bên trong mặt nhựa màu trắng). Ta sẽ điều chỉnh mũi tên chỉ vào số 6 sau đó cho bơm chạy lại bình thường. Đợi khoảng 1 phút sau khi đã hết khí trong ống hút rồi thì điều chỉnh lại về đúng lưu lượng hóa chất tính toán.

- Sự cố bơm nước thải:

Hệ bơm không hoạt động hoặc hoạt động không lên nước: Kiểm tra lại tủ điện, đường điện xem có tín hiệu điện không, kiểm tra bơm, phao, kiểm tra pha có thể lệch pha máy bơm (nếu có)

Nguyên nhân: Do quá trình vận hành bị mắc các vật cứng vào cánh bơm dẫn đến bơm không hoạt động được.

Cách khắc phục: Đặt song chắn rác trước hệ thống xử lý nước thải.

- Sự cố máy thổi khí:

Máy thổi khí mất áp hoặc không ra khí: Máy thổi khí là một bộ phận quan trọng của hệ thống do vậy khi vận hành cần phải theo dõi và kiểm tra máy thổi khí thường xuyên. Chế độ hoạt động của hệ thống yêu cầu máy thổi khí phải hoạt động 24/24h không nghỉ nên máy sẽ nóng và nhanh hỏng, để giải quyết vấn đề này nhà thầu thi công đã lắp đặt 2 máy chạy luân phiên và thiết đặt chế độ chạy 2 giờ nghỉ 2 giờ trong tủ điện. Lưu ý thường xuyên tra dầu máy (dầu máy chứ không phải dầu nhớt) nếu thấy lượng dầu trên ống soi của máy cạn 1/2.

- Sự cố tủ điện:

Tủ điện điều khiển lỗi, hỏng hoặc chạy/không chạy 1 chức năng nào đó: tủ điện điều khiển là bộ não hoạt động của hệ thống, nếu tủ điện điều khiển bị lỗi dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng nước đầu ra. Biện pháp xử lý là kiểm tra lại nguồn điện đầu vào có đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật không (3 pha 380V $\pm$ 5%), kiểm tra cục bộ các liên kiện nối tới từng thiết bị đầu cuối, nếu cục bộ thiết bị hỏng có thể ngắt và thay thế, gọi điện thoại tham khảo hướng dẫn nhà thầu thi công nếu cần.

- Cơ sở đã trang bị một số thiết bị dự phòng cho các máy móc dễ hư hỏng như: Bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác....

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Cán bộ vận hành được hướng dẫn, đào tạo nắm rõ quy trình vận hành của Hệ thống xử lý nước thải.

- Khi xảy ra sự cố, tạm dừng việc vận hành hệ thống xử lý nước thải. tiến hành thay thế sửa chữa, khắc phục sự cố. Bơm nước thải từ công đoạn sự cố về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Đối với hệ thống xử lý hiện nay hệ thống có thể dừng sửa chữa trong vòng 1 tuần. Tuy nhiên khi người dân trong dự án được điện đầy công suất xử lý hệ thống có thể dừng sửa chữa 24h.

### **3.6.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

Dự án không phát sinh

### **3.6.3. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường khác:**

#### **3.6.3.1 Sự cố ngộ độc thực phẩm.**

- Dự án không có bếp ăn. Tuy nhiên là khu dân cư ban quản lý luôn tuyên truyền, nhắc nhở người dân sử dụng thực phẩm rõ nguồn gốc.

#### **3.6.3.2. Sự cố khu vực lưu giữ CTNH**

Sự cố làm rơi, vãi chất thải nguy hại: trong quá trình vận chuyển nếu làm rơi, vãi chất thải nguy hại thì sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh đặc biệt khi chất thải nguy hại rơi xuống hệ thống cống thoát nước sẽ làm ô nhiễm nguồn nước. Do đó để giảm thiểu sự cố cơ sở đã yêu cầu nhân viên khi vận chuyển chất thải nguy hại phải được thực hiện bằng thùng kín có nắp đậy, không được vận chuyển quá đầy tránh rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

#### **3.6.3.3 Sự cố cháy nổ**

- Công ty đã lắp đặt các hệ thống phòng cháy chữa cháy và được đơn vị chức năng cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số **30/TD-PCCC-CTPC ngày 28/9/2018**. Các thiết bị PCCC được đơn vị đầu tư lắp đặt mới 100% khi tòa nhà đưa vào vận hành, vị trí liệt kê bảng dưới đây:

#### **3.6.3.4 Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:**

Dự án không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

#### **3.6.3.5. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:**

Dự án là nhà ở người dân nên hiện chưa phải thực hiện mục này.

### **3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

+ Các công trình bảo vệ môi trường của dự án “Khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside – Giai đoạn 1” được xây dựng theo đúng các cam kết trong báo cáo ĐTM của dự án đã được UBND TP. Hà Nội phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án số: 5183/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018. Tuy nhiên

hiện nay chủ dự án thay đổi thiết kế cục bộ nên đang tiến hành làm văn bản trình các cơ quan có thẩm quyền. Hiện Sở quy hoạch Kiến trúc đã đồng ý bằng văn bản số 4753/QHKT-BSH ngày 31/10/2011 và gửi lên UBND TP. Hà Nội và đã được UBNDTP.Hà Nội đã đồng ý bằng văn bản số 4197/UBND-DT ngày 13/12/2022. Nội dung thay đổi cụ thể danh mục phía dưới. (Các văn bản chi tiết đính phụ lục báo cáo)

Vì thay đổi về kiến trúc nội bộ nên cả 2 GD dự án số nhân khẩu từ 2.811 người xuống còn 564 người (bao gồm cả nhà trẻ, BQL dự án) nên dự án sẽ chỉ cần 01 hệ thống xử lý nước thải tập chung. Lượng nước thải tính toán tối đa 200m<sup>3</sup>/ngày đêm. Công trình đã xây dựng hệ thống 280m<sup>3</sup>. Vậy so với quyết định ĐTM đã được phê duyệt dự án có nội dung thay đổi về công trình xử lý môi trường.

TT	Nội dung thay đổi so ĐTM QĐ số 5183/QĐ-UBND	Nội dung đã phê duyệt
Hệ thống xử lý nước thải	-Xây dựng 01 Hệ thống xử lý nước thải công suất 280m <sup>3</sup> /ngày đêm	-Xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải 580m <sup>3</sup> và 280m <sup>3</sup>

- **Đánh giá tác động môi trường từ việc thay đổi nội dung so với báo cáo ĐTM được phê duyệt.**

Để có cái nhìn tổng quan hơn về các ảnh hưởng tác động môi trường của nội dung thay đổi nhóm tư vấn xin được đánh sơ bộ các thay đổi như sau:

Nhìn bảng nguyên vật liệu cho công tác thi công tại trang 42 của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt thì thấy như sau:

Bảng: Nguyên vật liệu chính phục vụ cho công tác thi công xây dựng dự án

(Nguồn: Trích trang 42 báo cáo ĐTM đã được phê duyệt QĐ: 1583/QĐ-UBND )

Nhìn bảng danh mục nguyên vật liệu chính phục vụ cho công tác thi công xây dựng dự án cho thấy các tác động môi trường cụ thể bảng sau:

**Nhận xét sơ bộ:**

Nhìn vào bảng so sánh phía trên có thể thấy sự thay đổi thiết kế nội bộ của dự án của chủ dự án GD2 so với tổng thể dự án đã được phê duyệt thì thấy dự án GD2 mang lại sự giảm thiểu ô nhiễm tích cực cho môi trường đáng kể đối với khí thải, nước thải, CTRTT cả giai đoạn xây dựng và vận hành.

## CHƯƠNG IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### **4.1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.**

##### **4.1.1.Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ của các hộ dân khu vực dự án)  
Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

##### **4.1.2.Lưu lượng xả nước thải tối đa:**

Lưu lượng xả tối đa (cả 2 giai đoạn): 280m<sup>3</sup>/ngày.đêm

##### **4.1.3 Dòng nước thải:**

Công ty đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải bao gồm: Nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống bể phốt của các hộ dân dẫn về hệ thống XLNT tập trung công suất 280m<sup>3</sup>/ ngày.đêm xử lý đạt (QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) đầu nổi xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung khu vực ngõ 603 đường Cổ Linh; Long Biên; Hà Nội

##### **4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải**

Dòng nước thải của cơ sở đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN :2008/BTNMT (cột B) trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của cơ sở được trình bày chi tiết tại Bảng sau:

##### **Bảng 4. 1 .Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án**

##### **Ghi chú:**

- *QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt*
- *Cột B\_ Áp dụng khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt .*
- *Giá trị nồng độ tối đa cho phép  $C_{max} = C \times K$ . Giá trị hệ số  $K = 1,0$  ứng với loại hình cơ sở sản xuất  $\geq 500$  người.*

##### **4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Vị trí xả thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực thuộc phường Thạch Bàn, Long Biên Hà Nội; điểm xả theo hệ tọa độ VN2000, X= 2 325 883(m), Y = 594 568(m)
- Chế độ xả thải: Gián đoạn



- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức

#### 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.

Cơ sở không phát sinh nên không đề nghị

#### 4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

##### 4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Hoạt động của máy phát điện (*hoạt động không liên tục chỉ sử dụng khi gặp sự cố mất điện*)

##### 4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

###### 4.3.2.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể như sau:

**Bảng 4.2. Bảng giá trị giới hạn đối với tiếng ồn tại cơ sở**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày, giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

###### 4.3.2.2. Độ rung:

Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

**Bảng 4.3. Bảng giá trị giới hạn đối với độ rung tại cơ sở**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày, giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

#### 4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại nên không phải xin phép đối với nội dung này.

#### **4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:**

Cơ sở không thực hiện việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài nên không phải xin phép đối với nội dung này.

#### **4.6. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

##### **4.6.1. Về quản lý chất thải**

##### **a. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

###### *❖ Chất thải nguy hại:*

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên GD1: 8kg/ năm

##### **Bảng 4.4. Bảng thành phần khối lượng CTNH tại cơ sở**

###### *❖ Chất thải sinh hoạt:*

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: (Khối lượng này có thể thay đổi theo thực tế khi dân vào ở)

##### **Bảng 4.5. Bảng thành phần khối lượng chất thải sinh hoạt tại cơ sở**

###### *❖ Chất thải công nghiệp thông thường:*

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường không phát sinh:

###### *❖ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:*

Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát cơ sở không phát sinh:

##### **b. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại**

– *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại,*

– Kho chứa: 01 kho

– Diện tích kho: 15 m<sup>2</sup>.

– Kết cấu: Nhà tường gạch, mái bằng xung quanh tường bao, tường ngăn và

– Thiết bị lưu chứa: Thùng, kết cấu nhựa, dung tích chứa 50-200l, số lượng thùng chứa 3 thùng chứa.

– Nhãn cảnh báo: Phía ngoài kho được treo bảng tên kho, nhãn cảnh báo. Ngoài ra còn dán nhãn còn thực hiện đối với các thùng chứa CTNH theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo đúng quy định
- ❖ *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*
  - Khu vực tập kết có diện tích: 15 m<sup>2</sup>.
  - Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa kết cấu nhựa, dung tích chứa cụ thể như sau:

**Bảng 4.6. Bảng thành phần khối lượng chất thải sinh hoạt tại cơ sở**

TT	Thể tích chứa rác	Số lượng	Vị trí bố trí
1	Xe 500L	10	Khu vực tập kết chờ đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển
3	Thùng 40-60L	20	Đọc vỉa hè trục đường chính

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định

#### **4.6.2. Về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

##### **4.6.2.1. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:**

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật
- Cơ sở đã trang bị một số thiết bị dự phòng cho các máy móc dễ hư hỏng như: Bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác....
- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
- Cán bộ vận hành được hướng dẫn, đào tạo nắm rõ quy trình vận hành của Hệ thống xử lý nước thải.
- Khi xảy ra sự cố, tạm dừng việc vận hành hệ thống xử lý nước thải. tiến hành thay thế sửa chữa, khắc phục sự cố. Bơm nước thải từ công đoạn sự cố về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Nếu thời gian sửa chữa kéo dài hơn 2 ngày (48h) chủ dự án sẽ tiến hành thuê đơn vị MTĐT đến hút nước thải chưa xử lý tại bể điều hòa và bể khử trùng và tiến hành khắc phục hệ thống xử lý nước thải được hoàn toàn bình thường.

##### **4.6.2.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

- Không phát sinh

##### **4.6.2.4. Sự cố ngộ độc thực phẩm.**

- Không có bếp ăn

##### **4.6.2.5. Sự cố cháy nổ**

- Công ty đã lắp đặt các hệ thống phòng cháy chữa cháy và được Cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số: **30/TD-PCCC-CTPC** ngày **28/9/2018**. Định kỳ công ty tổ chức tập huấn theo quy định

**Bảng 4.7. Bảng danh mục thiết bị PCCC tại cơ sở**

**CHƯƠNG V**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Kể từ khi hoạt động đến nay, hằng năm, Công ty TNHH Thạch Bàn đều thực hiện việc quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải đúng theo quy định. Việc lấy mẫu đo đạc, phân tích mẫu được tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường của tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Dưới đây là bảng tổng hợp kết quả phân tích chất lượng nước thải quan trắc định kỳ tại dự án trong năm 2021, năm 2022. Cụ thể như sau:

**Bảng 5.1. Kết quả phân tích môi trường 2021**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm				QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
			T3	T6	T9	T12	
1	pH	-	6,8	7,5	6,6	6,9	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/L	37	5	19	5	50
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	345	456	370	338	1000
4	Nitrat (tính theo N)	mg/L	5	9,9	6,5	8	50
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	7,5	6,3	0,4	6,0	20
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	<0,3	<0,3	<0,3	0,4	10
7	Phosphat (tính theo P)	mg/L	<0,02	<0,02	5,8	<0,02	10
8	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	1,5	1,54	5	<0,02	100
9	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	0,06	<0,03	<0,03	<0,03	4,0
10	Amoni (Tính theo N)	mg/L	1,02	1,32	2,24	2,32	10
11	Tổng Coliforms(**4)	MPN/100mL	2300	2100	2300	2100	5000

**Bảng 5.2. Kết quả phân tích môi trường 2022**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm				QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
			T3	T6	T9	T12	
1	pH	-	7,4	7,2	7,5	7,6	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/L	16	4	5	33	50
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	508	222	826	446	1000
4	Nitrat (tính theo N)	mg/L	26,9	12,5	13,3	36,3	50
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	6,0	6,0	6,4	5,8	20
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,5	0,4	0,4	<0,9 (LOQ=0,9)	10
7	Phosphat (tính theo P)	mg/L	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	10
8	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	3,0	<0,02	1,66	2,95	100
9	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	<0,02	<0,03	<0,03	<0,03	4,0
10	Amoni (Tính theo N)	mg/L	5,4	6,8	5,4	5,24	10
11	Tổng Coliforms(**4)	MPN/ 100mL	2300	1500	1400	2000	5000

## CHƯƠNG VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Công ty TNHH BĐS Thạch Bàn Lakeside đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 194/GP-UBND ngày 29/6/2020 cho Dự án “Khu nhà ở Thương Mại” giai đoạn 1 (trong đó có hạng mục HTXLNT công suất 280m<sup>3</sup>/ngày.đêm)

Căn cứ mục d khoản 2 điều 42 quy định về căn cứ và thời điểm cấp giấy phép môi trường quy định giấy phép môi trường thành phần là giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy chứng nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi

Căn cứ Khoản 4 Điều 31 v/v vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định “Chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều này sau khi được cấp giấy phép môi trường, trừ trường hợp đã có giấy phép môi trường thành phần”

Do vậy, Công ty TNHH Thạch Bàn Lakeside không phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 280m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 6.2. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

**Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm của dự án**

TT	Hạng mục công trình vận hành thử nghiệm	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất	
		Bắt đầu	Kết thúc	Thiết kế	Thời điểm kết thúc giai đoạn VHTN
<b>I</b>	<b>Hệ thống xử lý nước thải</b>				
2	Hệ thống xử lý nước thải công suất 280m <sup>3</sup> /ngày.đêm	01/12/2022	31/03/2023	280m <sup>3</sup> /ngày.đêm	50m <sup>3</sup> /ngày.đêm

**6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải:**

**6.1.2.1 Thời gian lấy các loại mẫu chất thải trước khi ra ngoài môi trường**

**Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian lấy mẫu các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài.**

TT	Giai đoạn	Thời gian lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu
<b>I</b>	<b>Hệ thống xử lý nước thải</b>		
4	Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải	Lần 1: 01/04/2023 Lần 2: 02/4/2023 Lần 3: 03/04/2023 ( 3 ngày liên tiếp)	- 01 ngày/ lần. - Số đợt lấy mẫu: 3 đợt liên tiếp. - Số lượng mẫu: 4 mẫu - Loại mẫu nước thải: 1 mẫu đơn nước thải đầu vào và 3 mẫu đơn nước thải đầu ra liên tiếp.

**6.1.2.2. Vị trí đo đạc, thông số quan trắc của mẫu khí thải, nước thải**

**Bảng 6.3. Vị trí đo đạc, thông số quan trắc của mẫu nước thải**

<b>I</b>	<b>Nước thải</b>	
1	Vị trí	- NT1: Tại bể gom -T01 (đầu vào) - NT2: Tại bể khử trùng – T07 (đầu ra)
2	Thông số quan trắc	
3	Quy chuẩn so sánh	QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.



### **6.1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và phối hợp thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Để đánh giá hiệu quả của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án, Công ty đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và ATHC – CN Viện Hoá Công nghiệp Việt Nam lấy mẫu quan trắc nước thải- Vimcerts 195

- Tru sở chính: số 02, Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.

- Địa điểm Phòng Thí nghiệm: số 02, Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội Quyết định số 1044/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

#### **Phương pháp lấy mẫu và phân tích**

### **6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

Cơ sở không phát sinh khí thải

#### **6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ nước thải:**

Căn cứ Điều 111 quy định về Quan trắc nước thải của Luật Bảo vệ Môi trường 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 dự án có mức phát sinh nước thải 280m<sup>3</sup>/ ngày. đêm (< 500m<sup>3</sup>/ngày.đêm) dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ).

Tuy nhiên, hiện nay chủ dự án trên tinh thần bảo vệ môi trường quan trắc định kỳ 01 mẫu nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý; tần suất 06 tháng/ lần; chỉ tiêu 11 theo QCVN14:2008 (cột B)

### **6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:**

- Kinh phí duy trì, bảo dưỡng định kỳ và vận hành hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động liên tục và ổn định

+ Kinh phí thu gom và xử lý bùn cặn: 20.000.000 đồng/năm.

+ Kinh phí duy trì chạy hệ thống xử lý nước thải (hóa chất, nhân công, điện):

500.000 đồng/ngày. Cơ sở sẽ bố trí một cán bộ có chuyên môn thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên hệ thống xử lý nước thải: 10.000.000 đồng/năm.

- Kinh phí phân tích mẫu nước, giám sát chất lượng nước:

Theo quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội, kinh phí phân tích mẫu nước và giám sát chất lượng 1 mẫu nước tại cơ sở được đưa ra trong bảng sau:

*Bảng 5. 3. Kinh phí giám sát mẫu nước 1 lần trong giai đoạn vận hành*

**CHƯƠNG VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA**  
**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong khoảng thời gian 02 năm trở lại đây công ty chưa có bất cứ vi phạm liên quan đến lĩnh vực môi trường bị xử phạt trong giai đoạn hoạt động đối với dự án “ Khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside”

## **CHƯƠNG VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

#### **Công ty TNHH Thạch Bàn Lakeside cam kết:**

- Những nội dung được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực; nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Cam kết Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước và các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường hiện hành;
- Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) đầu nối vào hệ thoát nước thải của khu vực ngõ 603 đường Cổ Linh, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội
- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo tuân thủ các quy định tại nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường;
- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của Thủ Đô;
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết;
- Hàng năm, Cơ sở sẽ tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi đến Sở TNMT Hà Nội; P.TNMT quận Long Biên

# PHỤ LỤC